

Bản án số: **87/2017/HSST**
Ngày: 24/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Đức

Bà Đỗ Thị Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Đại – Thư ký Toà án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Trừu A Sám - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ VÂN A, sinh năm 1987 tại Đồng Nai

HKTT: Số 326, ấp BH, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số 421, Thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nội trợ Trình độ học vấn: 12/12

Dân tộc : Kinh Tôn giáo : Không

Con ông Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1960.

Chồng là Nguyễn Thiên Vũ, sinh năm 1987, có 02 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016).

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

*** Người bị hại:** 1/ **Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1984**

2/ Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1983

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962

4/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958

Cùng trú tại: Số 421, thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thiên V, sinh năm 1987**

Trú tại: Số 421, thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự: Có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Thị Vân A là con dâu bà Nguyễn Thị T cùng ở tại số nhà Số 421, thôn TL, ấp AC, xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Buổi sáng ngày 11/02/2017, A đi về nhà mẹ ruột tại ấp BH, xã BS, huyện TB. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, A quay về nhà chồng thì thấy cả nhà đi đám cưới xa không có người trông coi, A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A đi vào phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Kim P (là chị chồng), lục các ngăn kéo tủ lấy trộm: 01 kiềng vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 4.6 phân, 02 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1.2 chỉ, 03 nhẫn vàng 18k trọng lượng 1.2 chỉ, 01 lắc vàng 18k trọng lượng 04 phân bỏ vào túi, A đập 02 con heo đất trong phòng chị P lấy đi số tiền 5.659.000đ, A tiếp tục đi vào phòng bà T lục ngăn kéo lấy trộm số tiền 2.000.000đ của bà T. Sau đó, A đã tạo hiện trường giả bằng cách, A đi về phòng mình lấy 01 đôi bông tai vàng, 04 nhẫn vàng 18K, đập bể con heo đất lấy đi số tiền 2.000.000đ rồi bỏ chung vào trong túi xách mang về nhà cha mẹ ruột cất dấu. Khi gia đình bà T về phát hiện mất trộm đã trình báo Công an xã BS, huyện TB.

Đến sáng ngày 14/02/2017, do lo sợ bị phát hiện nên A đã khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp toàn bộ số vật chứng nêu trên.

Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 18/4/2017 kết luận: 01 kiềng vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 4.6 phân, 02 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1.2 chỉ, 03 nhẫn vàng 18k trọng lượng 1.2 chỉ, 01 lắc vàng 18k trọng lượng 04 phân của chị Nguyễn Thị Kim P có tổng giá trị là: 18.291.000đ.

Ngày 18/4/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện TB đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Vân A để điều tra, quá trình điều tra A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Ngày 23/3/2017, Cơ quan Điều tra Công an huyện TB đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 kiềng vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, 02 nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 4.6 phân, 02 dây chuyền vàng 18K trọng lượng 1.2 chỉ, 03 nhẫn vàng 18k trọng lượng 1.2 chỉ, 01 lắc vàng 18k 04 phân và số tiền 5.659.000đ cho chị Nguyễn Thị Kim P, trả lại số tiền 2.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T. Chị P, bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho A.

Đối với 01 đôi bông tai vàng, 04 nhẫn vàng 18K là tài sản riêng của A và số tiền 2.000.000đ là tài sản chung của vợ chồng A, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TB đã trả lại chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKS-HS ngày 27/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện TB truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện TB để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Vân A về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện TB giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vân A từ 10 tháng đến 12 tháng tù; Về các biện pháp tư pháp đã giải quyết xong nên không xem xét; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Thị Vân A là con dâu, em dâu của những người bị hại trong vụ án. Lợi dụng việc gia đình chồng vắng nhà, không có người trông coi, khi bị cáo trở về nhà lấy đồ cho con thì đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo A đi vào phòng ngủ của vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim P lục ngăn kéo tủ lấy trộm 01 kiềng vàng, 05 nhẫn vàng, 01 đôi bông tai vàng, 02 dây chuyền vàng, 01 lắc vàng có trị giá 18.291.000đ và đập 02 con heo đất lấy đi số tiền 5.659.000đ. Bị cáo lại tiếp tục đi vào phòng của vợ chồng bà Nguyễn Thị T lục ngăn kéo lấy trộm số tiền 2.000.000đ. Tổng trị giá tài sản lấy được là 25.950.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình phạt Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, còn xem xét hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất bột phát, có nhân thân tốt, bị cáo đã ra đầu thú, đang nuôi 02 con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, những người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết giam giữ bị cáo mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về biện pháp tư pháp: Người bị hại – chị Nguyễn Thị Kim P và bà Nguyễn Thị T, bị cáo và anh Nguyễn Thiên V đã nhận lại tài sản bị mất (BL 44, 45, 46, 47) và tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB về tội danh và các biện pháp tư pháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo từ 10 tháng đến 12 tháng tù là quá nghiêm khắc, chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Vân A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vân A 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 1 (một) năm 8 (tám) tháng, tính từ ngày 24/7/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Vân A cho Ủy ban nhân dân xã BS, huyện TB, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Vân A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- UBND xã nơi b/c cư trú;
- VKSND h.TB;
- Công an h. TB;
- CC.THADS h. TB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Thùy Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

